

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH – CÔNG TY MẸ TCT QUÝ IV/2019

Hà Nội - Tháng 01 năm 2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 4 của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/10/2019- 31/12/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.
Tên viết tắt là : SONGHONG CORP
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Cao Tiến Trung	Thành viên
	Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên - Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2017
Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Nhung	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2019.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *NH*



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		535,100,049,638	586,467,102,798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7,894,434,245	7,169,246,596
1. Tiền	111		7,894,434,245	7,169,246,596
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319,425,099,819	356,277,700,108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	184,053,988,568	223,697,115,391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	282,961,184,688	282,385,156,369
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	162,451,779,216	160,669,087,624
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(310,041,852,653)	(310,473,659,276)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	196,136,374,176	210,326,258,107
1. Hàng tồn kho	141		196,136,374,176	210,326,258,107
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,644,141,398	12,693,897,987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,644,141,398	10,214,847,847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	-	2,479,050,140
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		464,037,873,499	477,316,269,083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		296,121,326,978	298,274,505,075
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	296,121,326,978	298,274,505,075
II. Tài sản cố định	220	5.11	3,392,501,754	7,108,239,715
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3,392,501,754	7,108,239,715
- Nguyên giá	222		55,663,107,160	57,417,504,112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52,270,605,406)	(50,309,264,397)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.8	56,257,899,457	56,257,899,457
1. Nguyên giá	231		56,257,899,457	56,257,899,457
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		36,241,946,223	35,870,263,375
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	36,241,946,223	35,870,263,375
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	62,820,025,799	66,320,025,799
1. Đầu tư vào công ty con	251		84,030,709,344	84,030,709,344
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		191,916,364,580	191,916,364,580
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,028,713,942	10,528,713,942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(221,155,762,067)	(220,155,762,067)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9,204,173,288	13,485,335,662
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	9,204,173,288	13,485,335,662
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		999,137,923,137	1,063,783,371,881

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1,645,554,315,520	1,644,334,914,077
I. Nợ ngắn hạn	310		1,148,133,684,211	1,144,904,282,768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	233,319,682,924	276,068,587,987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	32,075,035,530	46,199,514,985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	3,077,440,801	822,785,797
4. Phải trả người lao động	314		2,936,621,312	2,328,832,223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	629,285,602,825	573,995,204,332
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	51,953,673,216	50,059,729,841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	195,275,563,313	195,219,563,313
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		210,064,290	210,064,290
II. Nợ dài hạn	330		497,420,631,309	499,430,631,309
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	258,445,643,308	260,455,643,308
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.17	238,974,988,001	238,974,988,001
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(646,416,392,383)	(580,551,542,196)
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(646,416,392,383)	(580,551,542,196)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270,000,000,000	270,000,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		270,000,000,000	270,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,126,376,429	24,126,376,429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,072,018,933	1,072,018,933
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		26,293,456,226	26,293,456,226
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		25,981,000	25,981,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5,941,310,206	5,941,310,206
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(973,875,535,177)	(908,010,684,990)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(908,010,684,990)	(531,690,668,681)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(65,864,850,187)	(376,320,016,309)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		999,137,923,137	1,063,783,371,881
(440 = 300+400)				

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý IV/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1,353,917,800	130,944,725,144	29,341,513,063	145,093,104,596
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1,353,917,800	130,944,725,144	29,341,513,063	145,093,104,596
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	908,601,103	102,915,405,938	27,583,056,973	116,885,463,940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		445,316,697	28,029,319,206	1,758,456,090	28,207,640,656
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	38,530,043	30,987,261,722	146,374,712	33,681,064,937
7. Chi phí tài chính	22	5.4	15,808,010,961	44,660,139,562	56,364,048,356	132,251,125,135
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15,808,010,961</i>		<i>55,364,048,356</i>	<i>85,944,006,396</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3,193,165,400	291,453,273,940	13,841,964,878	312,861,331,735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(18,517,329,621)	(277,096,832,574)	(68,301,182,432)	(383,223,751,277)
11. Thu nhập khác	31		704,859,232	4,544,853,148	2,722,333,299	34,822,355,123
12. Chi phí khác	32		79,975,611	1,356,698,476	80,103,453	27,918,620,155
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.6	624,883,621	3,188,154,672	2,642,229,846	6,903,734,968
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(17,892,446,000)	(273,908,677,902)	(65,658,952,586)	(376,320,016,309)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(17,892,446,000)	(273,908,677,902)	(65,658,952,586)	(376,320,016,309)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Quý IV/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(65,658,952,586)	(376,320,016,309)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1,961,341,009	4,842,076,881
- Các khoản dự phòng	03	-	339,055,484,265
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(34,688,313,630)
- Chi phí lãi vay	06	55,364,048,356	85,944,006,396
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8,333,563,221)	18,833,237,603
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	40,055,534,975	(7,468,574,645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14,189,883,931	(1,365,127,501)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1,219,401,443	(70,572,906,380)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4,281,162,374	4,326,791,279
- Tiền lãi vay đã trả	14	(55,364,048,356)	(2,092,169,392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3,951,628,854)	(58,338,749,036)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	1,382,714,104	(100,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	25,260,481,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	3,500,000,000	(67,655,818)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5,114,913,673
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	111,108,197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4,882,714,104	30,318,847,870
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	(205,897,601)	65,219,780,000
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(50,812,609,976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(205,897,601)	14,407,170,024
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	725,187,649	(13,612,731,142)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,169,246,596	20,781,977,738
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	7,894,434,245	7,169,246,596


Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Khánh Hậu


 Nguyễn Thị Nhung



Là Luân Hưng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu cống, thủy điện, buru điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế, các công trình thủy lợi địa, cảng sông, cảng biển; Xây dựng lắp đặt hệ thống nước y tế, khí sạch, thiết bị thí nghiệm, xử lý môi trường trong các công trình y tế;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên công ty, đơn vị</u>	<u>% sở hữu thực tế</u>
Đầu tư vào Công ty con	
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	66,31%
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Đô thị Sông Hồng	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	25,11%
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Sông Hồng	21%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 10	20%
Công ty Cổ phần sông Hồng 8	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sông Hồng 9	20%

Các đơn vị trực thuộc:

Địa chỉ

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2019 đến 31/12/2019

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2019 lỗ lũy kế 973,87 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu 646,42 tỷ đồng nợ tín dụng xấu nên Tổng Công ty không đủ điều kiện về năng lực để tham gia các gói thầu nhằm tạo việc làm và nguồn tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Doanh thu và sản lượng chủ yếu của các công trình chuyển tiếp dở dang từ các năm trước chuyển sang có hiệu quả thấp, lãi vay lớn. Công ty mẹ và tổ hợp các Công ty thành viên vẫn tiếp tục mất khả năng thanh toán nghiêm trọng do nợ phải trả tiếp tục tăng từ phát sinh lãi vay phải trả cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, nợ phải trả liên quan đến các Nghĩa vụ bảo lãnh cho các Công ty con.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2019.
- Quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.
- Tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 270 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2018 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đồ gá: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	567,193,661	164,562,502
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7,327,240,584	7,004,684,094
Tổng	7,894,434,245	7,169,246,596

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	184,053,988,568	223,697,115,391
Tập đoàn dệt may Việt Nam	7,072,391,072	14,465,467,853
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	-	13,911,000,000
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	11,502,373,219
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	8,960,508,339	11,307,844,390
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	312,446,279	11,151,988,000
Các đối tượng khác	167,708,642,878	161,358,441,929
Tổng	184,053,988,568	223,697,115,391

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	282,961,184,688	282,385,156,369
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126,390,086,131	126,390,086,131
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (SH Đà Nẵng)	43,574,509,655	43,574,509,655
Đối tượng khác	112,996,588,902	112,420,560,583
Tổng	282,961,184,688	282,385,156,369

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	162,451,779,216	(128,806,719,681)	160,669,087,624	(129,238,526,304)
Tạm ứng	17,336,775,268	(8,651,653,341)	17,741,407,612	(9,053,459,964)
Ký cược, ký quỹ	205,000,000	-	205,000,000	-
Phải thu về cổ phần hóa	5,115,072,141	(3,682,505,370)	5,115,072,141	(3,682,505,370)
Phải thu khác	139,794,931,807	(116,472,560,970)	137,607,607,871	(116,502,560,970)
<i>Công trình Đình Chính Chợ Vinh</i>	<i>14,811,093,515</i>	<i>(14,811,093,515)</i>	<i>14,811,093,515</i>	<i>(14,811,093,515)</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	<i>35,470,547,873</i>	<i>(35,470,547,876)</i>	<i>35,470,547,873</i>	<i>(35,470,547,876)</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 36</i>	<i>24,180,283,813</i>	<i>(24,180,283,813)</i>	<i>24,180,283,813</i>	<i>(24,180,283,813)</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>65,333,006,606</i>	<i>(42,010,635,766)</i>	<i>63,145,682,670</i>	<i>(42,040,635,766)</i>
b) Dài hạn	296,121,326,978	-	298,274,505,075	-
Ký cược, ký quỹ	5,310,000,000	-	7,919,178,097	-
Ban Quản lý Dự án Thái Hà	284,991,326,978	-	284,535,326,978	-
Phải thu khác dài hạn	5,820,000,000	-	5,820,000,000	-
Tổng	458,573,106,194	(128,806,719,681)	458,943,592,699	(129,238,526,304)

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	339,424,795,571	29,382,942,918	339,808,102,197	29,334,442,921
<i>Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này</i>				
Trong đó:		Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
		VND	VND	VND
Phải thu Tạm ứng				9,500,153,341
Phải thu ngắn hạn khách hàng				92,054,260,679
Trả trước cho người bán ngắn hạn				117,603,299,315
Phải thu khác				120,267,082,236
Tổng	-	-	-	339,424,795,571

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	171,799,303,906	-	171,546,258,107	-
Hàng hoá (i)	24,337,070,270		38,780,000,000	
Tổng	196,136,374,176	-	210,326,258,107	-

(i): Khoản tiền Tổng Công ty chi ra để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục Người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính quý 4/2019, số tiền 24.655.500.000 đồng.

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	9,204,173,288	13,485,335,662
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	243,561,413	244,289,390
Giá trị thương hiệu TCT Cổ phần Sông Hồng	333,333,320	1,133,333,320
Lợi thế thương mại		
<i>Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội</i>	<i>8,404,803,212</i>	<i>11,885,237,609</i>
<i>Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai</i>	<i>222,475,343</i>	<i>222,475,343</i>
Tổng	9,204,173,288	13,485,335,662

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	8,167,401,127	35,555,234,396	13,473,315,316	221,553,273	57,417,504,112
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	1,754,396,952	-	1,754,396,952
Số dư tại 31/12/2019	8,167,401,127	35,555,234,396	11,718,918,364	221,553,273	55,663,107,160
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	5,937,281,583	32,790,942,455	11,359,487,086	221,553,273	50,309,264,397
Tăng trong kỳ	553,040,742	2,001,367,824	(593,067,557)	-	1,961,341,009
Khấu hao trong kỳ	553,040,742	2,001,367,824	(593,067,557)	-	1,961,341,009
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	6,490,322,325	34,792,310,279	10,766,419,529	221,553,273	52,270,605,406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	2,230,119,544	2,764,291,941	2,113,828,230	-	7,108,239,715
Số dư tại 31/12/2019	1,677,078,802	762,924,117	952,498,835	-	3,392,501,754

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

MÀU B 09- DN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư Công ty con	84,030,709,344			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	30,000,000,000		(84,030,709,344)	84,030,709,344
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	26,590,013,503		(30,000,000,000)	(30,000,000,000)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	16,681,874,581		(26,590,013,503)	26,590,013,503
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng			(16,681,874,581)	(16,681,874,581)
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	6,500,000,000		(6,500,000,000)	(6,500,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn				
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	2,786,500,000		(2,786,500,000)	(2,786,500,000)
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	1,472,321,260		(1,472,321,260)	1,472,321,260
b) Đầu tư Công ty liên kết	191,916,364,580			
Công ty CP Thép Sông Hồng	102,000,000,000		(134,425,052,723)	191,916,364,580
Công ty CP Sông Hồng 36	9,750,000,000		(102,000,000,000)	(102,000,000,000)
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	5,250,000,000		(9,750,000,000)	9,750,000,000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	5,022,404,482		(5,250,000,000)	5,250,000,000
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4,000,000,000		(5,022,404,482)	5,022,404,482
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	36,498,220,000		(4,000,000,000)	4,000,000,000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh	2,200,000,000		(2,988,020,725)	36,498,220,000
Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	1,696,000,000		(2,200,000,000)	2,200,000,000
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	6,000,000,000		(1,696,000,000)	1,696,000,000
Công ty CP Đầu tư Thương mại			(1,490,909,879)	(1,490,909,879)
và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	364,681,268		(27,717,637)	364,681,268
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	11,035,058,830		-	11,035,058,830
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	1,000,000,000		-	1,000,000,000
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	7,100,000,000		-	7,100,000,000
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

MÃU B 09- DN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
c) Đầu tư dài hạn khác	8,028,713,942		(2,700,000,000)	10,528,713,942
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	1,038,110		-	1,038,110
Công ty CP Nhóm Sông Hồng	1,264,586,273		-	1,264,586,273
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500,000,000		-	500,000,000
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	1,563,089,559		-	4,063,089,559
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	1,000,000,000	(1,000,000,000)		1,000,000,000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2,000,000,000		-	2,000,000,000
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	1,700,000,000		(1,700,000,000)	1,700,000,000
Tổng	283,975,787,866		(221,155,762,067)	286,475,787,866

Công ty con, Công ty liên kết là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35,602,635,193	35,602,635,193
Dự án Khu đô thị mới Hà Nội thuộc phường Xuân Tảo và phường Cổ Nhuế 1	136,363,636	
Dự án Lĩnh Nam	502,947,394	267,628,182
Tổng	36,241,946,223	35,870,263,375

(ii): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

5.11 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	233,319,682,924	233,319,682,924	276,068,587,987	276,068,587,987
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42,027,229,051	42,027,229,051	53,632,329,162	53,632,329,162
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	19,913,332,099	19,913,332,099	25,074,712,444	25,074,712,444
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18,041,860,622	18,041,860,622	18,041,860,622	18,041,860,622
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thuyền Đông Bắc	28,493,447,615	28,493,447,615	28,493,447,615	28,493,447,615
Các đối tượng khác	124,843,813,537	124,843,813,537	150,826,238,144	150,826,238,144
Tổng	233,319,682,924	233,319,682,924	276,068,587,987	276,068,587,987

5.12 Người mua trả tiền trước*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	32,075,035,530	46,199,514,985
Dự án biệt thự Tây Hồ	24,655,500,000	38,780,000,000
Các đối tượng khác	7,419,535,530	7,419,514,985
Tổng	32,075,035,530	46,199,514,985

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	822,785,797	2,532,188,445	277,533,441	3,077,440,801
Thuế giá trị gia tăng	310,983,135	2,274,343,860	-	2,585,326,995
Thuế thu nhập cá nhân	138,384,682	159,691,330	177,380,186	120,695,826
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	96,153,255	96,153,255	-
Các loại thuế khác	373,417,980	2,000,000	4,000,000	371,417,980
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
	01/01/2019	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	2,479,050,140	-	2,479,050,140	-
Thuế XNK nộp thừa	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2,479,050,140	-	2,479,050,140	-
Các khoản phí lệ phí và các	-	-	-	-

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	629,285,602,825	573,995,204,332
Chi phí lãi vay phải trả	310,543,469,782	255,179,421,426
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (iii)	318,742,133,043	318,815,782,906
Tổng	629,285,602,825	573,995,204,332

(iii): Chi phí phải trả chưa có hóa đơn GTGT, trích trước qua nhiều năm tài chính và chưa được thanh quyết toán tại ngày 31/12/2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	51,953,673,216	50,059,729,841
Kinh phí công đoàn	423,955,368	441,100,226
Bảo hiểm xã hội;	284,117,773	394,028,271
Bảo hiểm y tế	176,689,998	204,015,348
Phải trả về cổ phần hóa	4,169,029,883	4,169,029,883
Bảo hiểm thất nghiệp	23,471,620	36,943,994
Các khoản phải trả, phải nộp khác:		
- Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng	3,862,093,801	3,862,093,801
- Cổ tức phải trả cổ đông	22,919,286,000	22,919,286,000
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý	9,578,124,594	9,578,124,594
- Các khoản phải trả khác	10,516,904,179	8,455,107,724
b) Dài hạn	258,445,643,308	260,455,643,308
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn để làm sổ đỏ biệt thự D3	200,000,000	210,000,000
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3	227,573,438,212	227,573,438,212
Dự án Thái Hà chờ quyết toán		
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174,205,096	174,205,096
Giá trị vẫn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo sổ tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30,498,000,000	30,498,000,000
Phải trả phải nộp dài hạn khác	-	2,000,000,000
Tổng	310,399,316,524	310,515,373,149

5.16 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	238,974,988,001	238,974,988,001
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	238,974,988,001	238,974,988,001
Tổng	238,974,988,001	238,974,988,001

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 492/QĐ-CCTHADS ngày 22/08/2018: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) số tiền 238.974.988.001 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

Thông báo số 01/TB-TANDCC-KDTM ngày 02/01/2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

5.17 Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	195,275,563,313	195,275,563,313	56,000,000	-	195,219,563,313	195,219,563,313
Ngân hàng TMCP Đại Dương- Chi nhánh Hà Tĩnh (iv)	191,809,390,313	191,809,390,313	-	-	191,809,390,313	191,809,390,313
Vay cá nhân	3,466,173,000	3,466,173,000	56,000,000	-	3,410,173,000	3,410,173,000
Tổng	195,275,563,313	195,275,563,313	56,000,000	-	195,219,563,313	195,219,563,313

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(iv): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTĐ1, ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	-	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(531,855,719,827)	(205,468,595,966)
Tăng trong năm	-	-	1,072,018,933	-	-	-	165,051,146	1,237,070,079
Tăng khác	-	-	1,072,018,933	-	-	-	165,051,146	1,237,070,079
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	376,320,016,309	376,320,016,309
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	376,320,016,309	376,320,016,309
Số dư tại 31/12/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(908,010,684,990)	(580,551,542,196)
Số dư tại 01/01/2019	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(908,010,684,990)	(580,551,542,196)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(65,864,850,187)	(65,864,850,187)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(65,864,850,187)	(65,864,850,187)
Số dư tại 31/12/2019	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	26,293,456,226	25,981,000	5,941,310,206	(973,875,535,177)	(646,416,392,383)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132,412,000,000	132,412,000,000
Cổ đông khác	137,588,000,000	137,588,000,000
Tổng	270,000,000,000	270,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	270,000,000,000	270,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	65,219,780,000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	65,219,780,000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	270,000,000,000	270,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10,000</i>	<i>10,000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26,293,456,226	26,293,456,226
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25,981,000	25,981,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,941,310,206	5,941,310,206
Tổng	32,260,747,432	32,260,747,432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,353,917,800	33,335,999,910
Doanh thu bán hàng hóa		38,815,077,143
Doanh thu hợp đồng xây dựng		4,902,219,091
Doanh thu bất động sản		53,891,429,000
Tổng	1,353,917,800	130,944,725,144

5.20 Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Giá vốn hàng bán	908,601,103	102,915,405,938
Tổng	908,601,103	102,915,405,938

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Lãi bán đấu giá cổ phần	-	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38,530,043	30,987,261,722
Tổng	38,530,043	30,987,261,722

5.22 Chi phí tài chính

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Lãi tiền vay	15,808,010,961	
Dự phòng đầu tư dài hạn		44,660,139,562
Tổng	15,808,010,961	44,660,139,562

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,193,165,400	291,453,273,940
Chi phí nhân viên quản lý	1,812,478,049	288,637,634,813
Chi phí vật liệu quản lý	4,178,001	13,839,608
Chi phí đồ dùng văn phòng	333,325,378	1,124,937,299
Chi phí khấu hao TSCĐ	773,185,311	1,051,086,720
Thuế, phí và lệ phí	(34,211,349)	10,521,463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265,473,192	385,905,037
Chi phí bằng tiền khác	38,736,818	229,349,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý Tài sản cố định	637,818,182	
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng	-	
Công nợ được xóa		
Thu nhập khác	67,041,050	4,544,853,148
Tổng	704,859,232	4,544,853,148
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	72,485,512	
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế	3,500,000	
Chi phí khấu hao Tài sản cố định không sử dụng	-	
Chi phí khác	3,990,099	1,356,698,476
Tổng	79,975,611	1,356,698,476
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	624,883,621	3,188,154,672

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

		Năm 2019	Năm 2018
Tính chất giao dịch			
Bên liên quan		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Lương, Thù lao	993,691,813	1,035,495,310

Giao dịch với bên liên quan khác

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

	Tính chất giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
Mua hàng		VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Thuê thi công	4,444,726,364	306,243,802
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Thuê thi công	-	1,959,778,873
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	Thuê thi công	-	6,152,064,940
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	Thuê thi công	5,346,270,859	-
	Tính chất giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
Bán hàng		VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Bán hàng, dịch vụ	12,510,000	-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	273,792,000	-
Công ty CP đầu tư XD Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	35,505,000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư với bên liên quan khác

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Công ty con			
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả người bán	1,180,761,944	1,180,761,944
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	40,297,000	40,297,000
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	75,267,249	75,267,249
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1,275,927,812	1,275,927,812
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	1,602,678,799	2,802,678,799
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	2,528,899,709	2,528,899,709
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải trả người bán	597,513,523	597,513,523
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	58,147,155,865	53,632,329,162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	21,940,145,785	25,074,712,444
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18,041,860,622	18,041,860,622
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6,644,357,996	6,644,357,996
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	338,941,257	338,941,257
Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	2,344,100,658	2,344,100,658
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	465,894,516	465,894,516
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	2,495,748,102	2,495,748,102
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	15,750,000	15,750,000
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	28,741,244	28,741,244

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Số dư với bên liên quan khác

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải trả khác	241,763,187	1,816,402
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả khác	30,028,622	30,000,000
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả khác	7,070,752	6,920,644
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả khác	547,709	547,709
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	564,011,674	564,011,674
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	9,578,124,594	9,578,124,594
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải trả khác	1,459,928,800	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả khác	85,370,000	85,370,000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải trả khác	16,591,200	20,739,000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	18,083,013	18,083,013
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	4,125,000,000	2,000,000,000
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Phải trả khác	3,862,093,801	3,862,093,801
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả khác	163	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

<u>Các khoản phải thu</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2019</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2019</u> <u>VND</u>
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khách hàng	7,594,011,252	7,594,011,252
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	8,601,928,561	8,601,928,561
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3,897,962,892	3,897,962,892
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13,505,443,049	13,505,443,049
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205,990,037	205,990,037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13,776,454	13,776,454
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	73,870,335	573,870,335
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3,191,001,774	3,191,001,774
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	557,364,685	557,364,685
<u>Các khoản phải thu</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2019</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2019</u> <u>VND</u>
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Trả trước người bán	6,843,008,120	6,843,008,120
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Trả trước người bán	30,000,000	30,000,000
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Trả trước người bán	43,574,509,655	43,574,509,655
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Trả trước người bán	20,705,176,191	19,132,576,433
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Trả trước người bán	1,106,000,000	347,500,000
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2,800,000,000	2,800,000,000
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7,100,654,421	7,100,654,421
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Trả trước người bán	1,373,400,000	1,373,400,000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1,000,000,000	-
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Trả trước người bán	459,622,441	459,622,441

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khác	181,913,391	181,913,391
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải thu khác	20,545	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải thu khác	1,838,094,178	1,838,094,178
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khác	307,287,081	307,287,081
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khác	19,752,372,588	19,728,917,598
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác	75,086,560	75,086,560
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	26,527,320,279	26,527,320,279
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1,929,686,382	1,929,686,382
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8,792,920,720	8,747,653,581
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3,320,000,000	3,320,000,000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải thu khác	318,746,303	182,503,200
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	874,539,347	874,539,347
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	59,951,900	59,951,900
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải thu khác	12,600,000	12,600,000

6.3 Thông tin khác

- (i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.
- (ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.

- (iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.4 Cam kết về đầu tư khác

- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.
- (v) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

6.5 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (vi) Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

- (vii) Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST và số 03/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 về việc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp văn bản bảo lãnh giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương với tổng số tiền là 85,5 tỷ đồng (nợ gốc 67,58 tỷ đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính là 17,919 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, tổng công ty chưa thu thập được các hồ sơ liên quan đến việc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm thực hiện kháng cáo các bản án trên.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

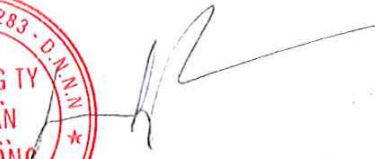
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khánh Hậu



Nguyễn Thị Nhung



Lê Tuấn Hưng

